TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày: 09-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Còn

2. Bà Mai Thị Bỉ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 22/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962.

Địa chỉ cư trú: Số X, ấp BL, xã ĐT, huyện T2, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1980.

- Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ cư trú: Số Y, ấp BL, xã ĐT, huyện T2, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt; bà M, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 17/11/2021, bà và vợ chồng bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Chí T thỏa thuận giao dịch mua bán vịt, có

lập thành văn bản là "Giấy hợp đồng bán vịt" viết tay, do ông Nguyễn Chí T viết, có chữ ký của bà, ông T và người ký tên "BT" trong Giấy viết tay là chữ ký của bà M có tên thường gọi là BT. Theo Giấy viết tay, bà thỏa thuận mua vịt từ 3,3kg trở lên, với đơn giá 54.000 đồng/kg. Bà N đã đưa cho ông T và bà M số tiền đặt cọc là 7.200.000 đồng. Khoảng 06 ngày sau tức là ngày 23/11/2021 bà M đến nhà bà để xin ứng thêm số tiền 4.000.000 đồng, bà M có viết thêm ở mặt sau của "Giấy hợp đồng bán vịt" và ký tên xác nhận có mượn thêm 4.000.000 đồng và trừ vào tiền bắt vịt. Bà hẹn 04 ngày sau tức là ngày 27/11/2021 sẽ đến nhà ông T, bà M để bắt vịt, bà M đồng ý. Tuy nhiên, đến ngày bà bắt vịt thì ông T và bà M không cho bắt vịt và đến nay cũng không trả lại cho bà số tiền 11.200.000 đồng. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ "Giấy hợp đồng mua bán vịt" ngày 17/11/2021 giữa bà với ông T, bà M và yêu cầu bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Chí T trả lại cho bà số tiền 11.200.000 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Chí T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng bà M và ông T không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải được vì các bị đơn đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu hủy bỏ giao dịch mua bán vịt giữa bà với bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Chí T, yêu cầu ông T và bà M trả lại số tiền 11.200.000 đồng đã ứng trước để mua vịt. Các bị đơn hiện đang cư trú tại xã ĐT, huyện T2, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có mặt, các bị đơn ông Nguyễn Chí T và bà Phạm Thị M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[3] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy bỏ hợp đồng mua bán vịt ngày 17/11/2022 và yêu cầu bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Chí T có nghĩa vụ trả lại số tiền mua bán vịt bà đã giao là 11.200.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N đã cung cấp chứng cứ là Giấy hợp đồng mua bán vịt ngày 17/11/2021, có chữ ký nhận và ghi rõ họ tên của ông Nguyễn Chí T và vợ ông T tên BT (tức là bà Phạm Thị M). Trong suốt quá trình tố tụng, bà M, ông T không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Chí T, bà Phạm Thị M có xác lập giao dịch dân sự mua bán vịt có cân nặng trên 3,3kg, thanh toán theo số kg với đơn giá 54.000đồng/kg, bà N đã đưa trước số tiền 11.200.000 đồng, thời hạn thực hiện giao dịch là ngày 27/11/2021. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T và bà M đã vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 434 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2015 hợp đồng bị hủy bỏ do bên bán chậm thực hiện nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn. Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Như vậy, bà M và ông T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền 11.200.000 đồng đã nhận.

[5] Về án phí: Buộc bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Chí T phải chịu 560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N được chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007137 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 424, Điều 427, Điều 434, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Chí T.

Hủy bỏ Hợp đồng mua bán ký kết ngày 17/11/2021 giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Chí T, bà Phạm Thị M.

Buộc bà Phảm Thị Mỏng và ông Nguyễn Chí T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 11.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị M và ông Nguyễn Chí T phải liên đới chịu 560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007137 ngày 19/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Hoàng Dung